

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Hân.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Võ Văn N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm T trình bày: Anh chị kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hàm Rồng ngày 14/12/2016. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Võ Trọng T, sinh năm 2013 và Võ Trọng N, sinh năm 2016. Thời gian gần đây anh N thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà vô cớ kiếm chuyện cự cãi, đánh đập chị, không lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn cứ kéo dài không thể hàn gắn nên anh chị đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân cũng không hàn gắn được hôn nhân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn.

Đối với 02 con chung do chị nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Hiện nay chị đủ điều kiện nuôi 02 con nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản và nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T vắng mặt có văn bản xin vắng mặt; anh N đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hàm Rồng ngày 14/12/2016 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Chị T kiện xin ly hôn vì cho rằng thời gian gần đây anh N thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà vô cớ kiểm chuyện cự cãi, đánh đập chị, không lo cho cuộc sống gia đình, việc mâu thuẫn kéo dài nên anh chị đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay không hàn gắn chung sống lại được. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã biết chị T kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị T đặt ra. Như vậy, giữa chị T và anh N đã từ lâu không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau và không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Võ Trọng T, sinh ngày 24/12/2013 và Võ Trọng N, sinh ngày 23/11/2016. Xét thấy, hai con hiện do chị T nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân cho đến nay và chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Yêu cầu này của chị T là phù hợp với N vọng của cháu T và cháu N. Ngoài ra, anh N cũng không phản bác yêu cầu này của chị T. Do đó, Tòa án cần giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Đối chiếu điều luật trên, xét thấy anh N không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T là có cơ sở được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi theo quy định pháp luật mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 20/7/2023 là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có; anh N không có ý kiến đặt ra. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con chị T và anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Cho chị Phạm Thị Cẩm T được ly hôn với anh Võ Văn N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Trọng T, sinh ngày 24/12/2013 và Võ Trọng N, sinh ngày 23/11/2016 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Võ Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con định kỳ hàng tháng, mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng (02 con là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 20/7/2023.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị T phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0016101 ngày 08/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyên thu, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con buộc anh Võ Văn N phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- UBND xã Hàm Rồng (nơi ĐKKH);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên